**TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

***I. Phần văn:***

***Câu 1:*** *Bảng thống kê các văn bản đã học:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tác phẩm | Tác giả | Thể loại | Giá trị nội dung | Giá trị nghệ thuật |
| 1 | Tôi đi học | Thanh Tịnh (1911-1988) | Truyện ngắn hồi kí | Tuổi học trò sâu lắng đáng yêu cần cảm ơn công lao sinh thành của cha mẹ. | -Văn tự sự kết hợp hài hòa chặt chẽ với miêu tả và biểu cảm, làm cho truyện ngắn đậm chất trữ tình  -Tài sử dụng ngôn ngữ ngắn của nhà văn với những hồi ức sâu lắng đáng yêu. |
| 2 | Trong lòng mẹ | Nguyên Hồng (1918-1982) | Tiểu thuyết tự truyện | Là bài ca chân tình cảm động về tình mẫu tử, đó là những cay đáng tủi nhục, cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn đối với người mẹ. | Phương thức tự sự và biểu cảm kết hợp với lời văn chân tình giàu cảm xúc, với những thủ pháp so sánh độc đáo. |
| 3 | Tức nước vớ bờ | Ngô Tất Tố (1893-1954) | Tiểu thuyết | Tác phẩm đã vật trần bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân phong kiến, Vẻ đẹp của một tâm hồn đầy yêu thương, dịu dàng, chịu đựng, ngang tàn, bất khuất của người phụ nữ trước cách mạng tháng 8 tư thế là người rất đẹp của chị dậu là ko chịu sống quỳ. | Khắc họa nhân vật rõ nét, ngôn ngữ kể chuyện miêu tả đối thoại đặc sắc. |
| 4 | Lão hạc | Nam Cao (1917-1951) | Truyện ngắn | Truyện ngắn đã thể hiện một cách chân thực và cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời truyện ngắn còn cho thấy tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân. | Tạo dựng tình huống truyện bất ngờ, ngôn ngữ phù hợp với từng nhân vật, con chó vàng mang màu sắc triết lí, xây dựng nhân vật bằng miêu tả ngoại hình để bộc lộ nội tâm, tâm lí của nhân vật. |
| 9 | Ôn dịch, thuốc lá | Nguyễn Khắc Viện | Văn bản nhật dụng | Nạn hút thuốc lá lây lan, gây tổn thất to lớn cho sức khỏe của con người, cho cuộc sống của gia đình và xã hội nên phải quyết tâm đẻ chóng lại nạn dịch này. | Kết hợp lập luận chặt chẽ, dẫn chướng sinh động, với thuyết minh cụ thể, phân tích trên cơ sở khoa học. Sử dụng thủ pháp so sánh để thuyết minh một cách thuyết phục một vấn đề y học có liên quan đến xã hội. |
| 10 | Bài toán dân số | Thái An | Văn bản nhật dụng | Văn bản đã nêu lên vấn đề thời sự của nhân loại, dân số và tương lai của dân tộc nhân loại. | Tác giả đã đưa ra các con số buộc người đọc phải tinh tưởng và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đang lo ngại của thế giới, nhất là những nước chậm phát triển. |
| 11 | Thông tin về ngày trái đất năm 2000 |  | Văn bản nhật dụng | Tác hại của bao bì ni lông, lợi ích của việc hạn chế sử dụng bao bì ni lông để bảo vệ môi trường sống. | Bố cục chặt chẽ lô rích, lối lí lẽ ngắn gọn, giải thích đơn giản, kết hợp phương pháp liệt kê phân tích. |

***Câu 2:*** *Nêu điểm giống nhau và khác nhau của các tác phẩm truyện kí Việt Nam đã học năm 30-45 ?*

**Giống nhau:**

-Thể loại: đều là văn bản tự sự, là truyện kí hiện đại

-Thời gian ra đời trước CMT8 năm: 1930-1945

- Đều lấy đề tài về cuộc sống và con người của xã hội thực dụng phong kiến, miêu tả số phận cực khổ của những người nghèo khổ bị vùi dập trong xã hội ấy.

-Giá trị tư tưởng: Đều chan chứa tinh thần nhân đạo cao cả (yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất đẹp đẽ của con người, tố cáo những gì tàn ác xấu xa)

-Giá trị nghệ thuật: bút pháp hiện thực, lối viết chân thực, gần gũi với đời sống, ngôn ngữ giản dị, kể chuyện và miêu tả cụ thể sinh động.

**- Khác nhau:** Mỗi tác phẩm có nhừng điểm khác về các mặt như: thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung chủ yếu và đặc sắc nghệ thuật.

***II.Phần tiếng việt:***

***Câu 1:*** *Lập bảng thống kê các kiểu câu đã học:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên từ vựng, câu, dấu câu | Khái niệm | Dấu hiệu, hình thức, chức năng | Ví dụ |
| 1 | Câu ghép | Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu | **\*Có hai cách nối các vế câu:**  -Dùng những từ có tác dụng nối.Cụ thể:  +Nối bằng một quan hệ từ;  +Nối bằng một cặp quan hệ từ;  +Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng).  -Không dùng từ nối: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.  **\*Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa** với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là: qh nguyên nhân, qh điều kiện(giả thiết), qh tương phản, qh tăng tiến, qh lựa chọn, qh bổ sung, qh tiếp nối, qh đồng thời, qh giải thích.  **\*Mối quan hệ thường được đánh dấu bằng** cặp quan hệ từ, những quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp ta phải đựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp. | +Mây đen kéo kính bầu trời, gió giật mạnh từng cơn.  +Nắng ấm, sân rộng và sạch.  +Giá trời không mưa thì chúng tôi sẽ đi chơi.  +Vì mẹ ốm nên bạn Nghĩa phải nghĩ học. |
| 4 | Từ tượng hình, từ tượng thanh | \*Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  \*Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên của con người. | Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; thường được dùng trong văn miêu tả và văn tự sự. | **+**Từ tượng thanh: soàn soạt, bịch, đánh bốp, nham nhảm.  **+**Từ tượng hình: rón rén, lực điền, chỏng queo. |
| 6 | Trợ từ, thán từ | \*Trợ từ là những từ chuyên đi kèm với một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.  \*Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. | \* Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt.  \* Thán từ gồm hai loại chính:  + Thán từ bộc lộ tình cảm cảm xúc:  +Thán từ gọi đáp: | \*Ví dụ trợ từ: những, có, chính, đích, ngay…  A, ái, ơ, ôi, ô hay, than ơi, trời ơi…  Này, ơi, vâng, dạ, ừ  … |
| 7 | Tình thái từ | Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán và để biệu thị sắc thái tình cảm của người nói. | \*Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý như sau:  -Tình thái từ nghi vấn:  -Tình thái từ cầu khiến:  -Tình thái từ cảm thán:  -Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm:  \*Khi nói khi viết cần chú ý sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm…) | À, ư, hả, chứ, chăng…  Đi, nào, với…  Thay, sao…  Ạ, nhé, cơ, mà… |
| 8 | Nói quá | Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. |  | +Bọn giặc hoảng hồn vắt chân lên cổ mà chạy.  +Cô Nam tính tình xởi lởi, ruột để ngoài da. |
| 9 | Nói giảm, nói tránh | Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự. |  | + "Chị ấy xấu" có thể thay bằng "Chị ấy không đẹp lắm".  +  "Anh ấy hát dở" có thể thay bằng "Anh ấy hát chưa hay"  +"Ông ấy sắp chết" có thể thay bằng " Ông ấy chỉ nay mai thôi" |

***III. Phần tập làm văn:***

***1. Các bước làm bài văn thuyết minh***

**a.     Tìm hiểu đề và tìm ý**

Chúng ta cần phải thực hiện thao tác đầu tiên đó là phân tích đề trước khi bước vào thực hiện một văn bản thuyết minh hoàn chỉnh. Vậy ta cần làm những điều gì ờ thao tác phân tích đề này?

Lưu ý:

-     Đọc kĩ đề bài từ chữ đâu tiên cho đến chữ cuối cùng.

-    Gạch chân những từ ngữ thể hiện đây là dạng đề văn thuyết minh như những từ thể hiện mệnh lệnh, nội dung cần thuyết minh.

-     Sau khi thực hiện xong thao lác gạch chân những từ ngữ then chốt, trong trí óc ta dần hiện lên vô vàn những ý tưởng, cách diễn đạt... Vậy ngay lúc ấy người học nên lập tức ghi ngay những điều đó ra ngoài giấy nháp bằng cách ghi thành dạng gạch đầu dòng hoặc theo sơ đồ tư duy, sau đó sắp xếp các ý đó theo trình tự ưu tiên tính quan trọng của các ý.

**b. Lập dàn bài**

Có thể nói, ở bước làm bài này cực kì quan trọng bởi nếu ta thực hiện tốt, tỉ mi thao tác này đồng nghĩa với việc chúng ta đã đi được 60% bài viết của mình. Vậy lập dàn bài như thế nào đế đạt hiệu quả cao, đó là một vấn đề rất nan giải của học sinh Việt Nam hiện nay!

Với tâm lí lo sợ về vấn đề thời gian hạn hẹp, người học thường hay có thói quen bỏ qua thao tác lập dàn bài. Kì thực, việc lập dàn bài giúp ích rất nhiều cho chúng ta trong việc định hướng một cách đúng đắn cho bài làm của minh đi theo một trình tự hợp lí, lô-gic, chặt chẽ. Người học có thể thực hiện lập dàn bài theo gợi ý sau đây: Gạch đầu dòng cho từng ý một, sử dụng các mũi tên để liên kết các ý lại với nhau. Đây là cách ghi dàn ý theo kiểu truyền thống, quen thuộc.

**c. Viết bài**

Đây là bước triển khai, cụ thể cho dàn bài đã lập ở trên. Trong khi viết bài, người học cần đặc biệt chú ý về cách diễn đạt, hành văn sao cho trôi chảy, mạch lạc và giừa các ý cần phải có sự liên kết với nhau một cách chặt chẽ nhằm làm rõ được đổi tượng thuyết minh. Bên cạnh đó, bài văn phải có sự kết hợp khéo léo giữa các đặc điểm, tính chất của đối tượng được thuyết minh, đồng thời người viết phải có khả năng xâu chuỗi những câu chuyện và phần miêu tả theo một trình tự hợp lí, rõ ý.

Viết bài tới đâu người học cần đọc lại ngay phần vừa viết đế tránh mất đi sự liên kết giữa các đoạn văn, câu văn với nhau. Mặt khác, thao tác này còn giúp ta tránh được tình trạng bài làm bôi xóa quá nhiều sau khi bổ sung, làm cho bài làm làm mất đi tính thẩm mĩ, tạo một ấn tượng không tốt cho người chấm bài.

**d. Đọc lại và sửa chữa**

Thao tác cuối cùng của một trình tự viết bài văn hoàn chỉnh là đọc lại và sửa chữa. Đây là thao tác cũng góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện cho bài làm được chỉn chu nhất. Thế nhưng, đây cũng là bước mà người học thường xuyên bỏ qua vì cho rằng “rất mất thời gian", và sau khi làm bài xong người học lập tức nộp bài mà không biết rằng trong bài viết vừa nộp ấy có vô số lỗi cần phải chỉnh sửa như: lỗi chính tả (đây là lồi đa phần), sử dụng từ ngữ chưa phù hợp, cách hành văn, diễn đạt còn lủng củng,...

**2. Gợi ý cách làm 1 bài văn thuyết minh về một vật dung, loài hoa, loài quả, loài cây**

1. Mở bài: Giới thiệu đối tượng cần thuyết minh
2. B. Thân bài:

B1: Nêu định nghiã, giải thích đối tượng

B2: Nêu nguồn gốc, xuất xứ

B3: Cấu tạo, đặc điểm, phân loại

B4: Công dụng/vai trò

B5: Giá thành

B6: cách sử dụng/ bảo quản

### Kết bài: Khẳng định giá trị, ý nghĩa của đối tượng thuyết minh trong đời sống ngày nay

### **3. MỘT SỐ DÀN Ý THAM KHẢO** **Dàn ý thuyết minh về cái phích nước**

**1. Mở bài**

Giới thiệu cái phích nước: một trong những đồ dùng quen thuộc với nhiều thế hệ con người chính là cái phích nước.

**2. Thân bài**

*a. Khái quát chung*

Lịch sử Phích nước được phát minh bởi nhà vật lí học kiêm hóa học người Scotland quý ngài James Dewar (1842-1923) vào năm 1892 tức thế kỉ 19 nhờ cải tiến từ thùng nhiệt lượng kế của Newton.

Hiện nay, ở Việt Nam, phích nước được sử dụng rộng rãi và phổ biến với con người.

*b. Thuyết minh chi tiết*

Cấu tạo: gồm vỏ phích và ruột phích.

- Vỏ phích: hình trụ, thon dài, được làm bằng nhựa, bên ngoài in hình họa tiết bắt mắt để tăng tính thẩm mĩ. Vỏ phích còn bao gồm quai cầm hoặc nắp phích được làm bằng nhựa.

- Ruột phích: gồm hai lớp thủy tinh rất mỏng, ở giữa là lớp chân không, trong lòng phích được tráng một lớp bạc rất mỏng có tác dụng ngăn sự tỏa nhiệt ra bên ngoài. Dưới đáy phích còn có một cái núm cũng có tác dụng giữ nhiệt. Nếu để vỡ cái núm ấy thì chiếc phích cũng sẽ không còn tác dụng giữ nhiệt.

*c. Công dụng của phích nước*

Được dùng phổ biến nhất để đựng nước nóng vì phích có khả năng giữ nhiệt cao.

Dùng để ủ ấm và giữ cho trà được ấm lâu hơn.

*d. Bảo quản*

Đậy kín nắp phích khi có nước nóng ở trong đó để giữ nhiệt được lâu.

Thường xuyên vệ sinh trong và ngoài phích để phích luôn sạch sẽ.

Tránh để phích nước va đập mạnh vì lớp thủy tinh bên trong rất dễ vỡ.

**3. Kết bài**

Khái quát lại vai trò của phích nước trong đời sống.

**Dàn ý thuyết minh về kính đeo mắt.**

**1. Mở bài:**

Chiếc mắt kính là phát minh quan trọng của con người, đồ dùng hữu ích với nhiều người.

Từ ban đầu mắt kính được dùng chữa bệnh, đến ngày nay mắt kính sử dụng nhiều công dụng khác nhau.

**2. Thân bài:**

a. Nguồn gốc:

- Mắt kính ra đời lần đầu tại Ý vào năm 1260.

- Vào năm 1920 phần kính được nối với nhau bằng một sợi dây đặt ngang lên mũi.

- Năm 1930, chuyên gia quang học ở Anh tạo ra gọng kính để lắp hai mắt kính vào hoàn chỉnh.

b. Cấu tạo:

Chiếc kính có hai bộ phận chính: mắt kính và gọng kính.

Mắt kính:

– Thông thường là hình tròn nhưng cũng có các dạng khác như bầu dục, vuông,…

– Chất liệu nhựa chống trầy hoặc thủy tinh ngăn cản các tia cực tím tấn công gây hại mắt.

Gọng kính:

– Nơi lắp mắt kính và giữ mắt kính không bị rơi ra ngoài.

– Gọng kính dùng bằng các chất liệu khác nhau: nhựa, nhôm, vàng,…

Bộ phận khác:

- Mắt kính còn có các bộ phận phụ như: ốc, vít. Các bộ phận này phụ nhưng lại quan trọng trong chiếc mắt kính.

c. Một số loại kính

Dựa theo nhu cầu của con người chiếc mắt kính được chia thành nhiều loại khác nhau:

– Bệnh về mắt như kính cận thị, kính viễn thị, kính loạn thị

– Thời trang: kính râm.

– Vui chơi giải trí có kính bơi, kính trượt tuyết,…

d. Bảo quản

- Gỡ kính dùng hai tay, nếu dùng một tay sẽ gây nên sai lệch gọng kính và tâm mắt kính. Ảnh hưởng tuổi thọ mắt kính.

- Khi dùng xong, dùng vải mềm lau nhẹ và bỏ vào bao kính.

- Tránh cầm tay vào mắt kính bởi khi đó khiến cho mắt kính bị mờ vì dính dầu và mồ hôi. Đôi khi tay còn có bụi có thể gây trầy xước.

- Tránh đặt gần nhiệt độ cao bởi có thể khiến kính bị biến dạng hoặc giảm chức năng của mắt kính đặc biệt là các kính trị bệnh.

**3. Kết bài:**

- Mắt kính phát minh quan trọng con người phục vụ nhiều trong cuộc sống.

- Mắt kính giúp bảo vệ mắt, cửa sổ tâm hồn.

**Dàn ý bài văn thuyết minh hoa đào Tết**

1. Mở bài: Hoa đào đã nở báo hiệu một mùa xuân mới, mùa xuân của đất trời. Hoa đào là loài hoa đẹp mang ý nghĩa rất lớn.

2. Thân bài

a. Nguồn gốc

Nguồn gốc: Hoa đào có nguồn gốc không rõ ràng, có người nói ở Iran cũng có người nói hoa đào xuất xứ từ Trung Quốc.

Phân loại: Có nhiều loại hoa đào như đào bích, đào phai, đào bạch,… Hà Nội có hai vùng trồng đào đẹp nổi tiếng là Nhật Tân và Ngọc Hà.

b. Đặc điểm, hình dáng: Hoa đào nở ra thường có năm cánh, nụ hoa phô màu hồng xinh xắn. Cành đào khẳng khiu, lá thưa thớt.

c. Cách gieo trồng, chăm sóc

Cây đào thường trồng ở miền Bắc nơi có nhiệt độ thấp,  hoa chỉ nở vào mùa xuân, người trồng muốn hoa nở đúng cần nhiều kinh nghiệm. Ngày nay, người ta có thể dùng kỹ thuật ghép để có được những cành đào tuyệt đẹp như ý muốn.

3. Kết Hoa đào tượng trưng xuân về, Tết đến. Ngày tết ở miền Bắc mà thiếu đi cành hoa đào không còn là ngày Tết cổ truyền, sắc đào mang lại may mắn, tài lộc cho chủ nhà.bài

**Dàn ý Thuyết minh về cây lúa**

**I. Mở bài**

* Dẫn dắt, giới thiệu chung về đối tượng thuyết minh- cây lúa Việt Nam (cây lương thực chính quan trọng, một trong những biểu tượng của nền nông nghiệp nước ta,...).

**II. Thân bài**

* Giới thiệu khái quát về cây lúa Việt Nam:
* Lúa nước là loại cây quen thuộc với người dân nước ta, có lịch sử trồng trọt và canh tác lâu đời.
* Là thế mạnh của xuất khẩu lương thực Việt Nam trên thị trường thế giới.

**Giới thiệu chi tiết về cây lúa:**

**Đặc điểm sinh học:**

* Cây tự thụ phấn, rễ chùm, một lá mầm,...
* Môi trường sống: ngập nước
* Các giai đoạn phát triển: hạt giống => nảy mầm => mạ non => trổ bông => kết hạt => lúa chín.

**Đặc điểm canh tác:**

* Số vụ gieo trồng: thường là 2 vụ/năm.
* Quy trình trồng trọt và canh tác: ủ mầm => gieo mầm => cấy mạ => chăm sóc => thu hoạch.
* Vai trò của cây lúa trong đời sống người Việt Nam:
* Làm ra gạo tạo nguồn lương thực chính trong các bữa ăn.
* Xay thành bột dùng làm nguyên liệu chính cho nhiều loại bánh.
* Cho ra những phụ phẩm sau hạt gạo (cám, tấm, vỏ trấu,...) dùng trong chăn nuôi và các việc khác.
* Tạo nguồn thu nhập cho người trồng lúa.
* Trở thành chủ lực mang lại lợi nhuận xuất khẩu, danh tiếng và cơ hội tiến xa hơn cho nước ta trên thị trường lương thực thế giới.

**III. Kết bài**

Nêu kết luận, nhận định chung về cây lúa Việt Nam (quan trọng, mang lại nguồn lợi to lớn,...).

**Dàn ý thuyết minh về quả xoài**

**I, Mở bài**

- Dẫn dắt giới thiệu vấn đề mà đề bài yêu cầu: Thuyết minh về quả xoài.

**II, Thân bài**

\* Nguồn gốc và xuất xứ của cây xoài

- Không ai rõ ràng thời gian cây xoài xuất hiện trên thế giới, có rất nhiều giả thuyết đặt ra về nguồn gốc của loại cây này.

- Người ta thống nhất cho rằng, cây xoài có nguồn gốc từ Nam và Đông Nam Á, gồm các nước Ấn Độ, Myanmar… bởi người ta đã tìm ra các mẫu hóa thạch tại các nước này và xác định chúng nó niên đại khoảng 25 triệu đến 30 triệu năm trước.

- Quả xoài: Có hình bầu dục, phần đầu chỗ cuống hơi cong cong, còn phần đuôi hơi nhọn. Khi trái xoài còn non có màu xanh, khi chín có màu vàng sáng hoặc màu vàng sậm tùy theo từng loại xoài. Trên lớp vỏ có những chấm cát bé li ti. Bên trong lớp vỏ là phần thịt xoài, mềm hay cứng, chua hay ngọt tùy thuộc rất nhiều vào đất, thời tiết và giống cây. Bên trong nữa là phần hột xoài. Hột xoài rất cứng, nhỏ hay to tùy vào giống.

\* Phân loại

- Xoài cát: Loại xoài ngon nhất. Trái rất nhỏ, thịt thơm và ngọt, màu vàng sẫm, các chấm cát li ti rõ ràng trên vỏ. Hạt dẹp và nhỏ.

- Xoài tứ quý: Trái nặng khoảng hơn 300g, vỏ rất mỏng và trơn láng. Thịt xoài ngọt, thơm, hạt nhỏ.

- Xoài xiêm: Thịt xoài vàng, hơi dẻo. Vỏ dày, mịn. Giống xoài này cho năng suất cao.

- Xoài tượng, xoài thanh ca: Xoài này không ăn chín mà được trồng để ăn lúc còn xanh. Ăn giòn và hơi chua.

\* Giá trị của cây xoài

- Giá trị dinh dưỡng: Có nhiều chất dinh dưỡng cung cấp cho cơ thể con người. Vỏ xoài có tác dụng chữa đau răng, viêm lợi. Vỏ hoặc hột xoài được dùng để làm thuốc chữa một số bệnh dân gian. Thịt xoài được sử dụng rất nhiều trong việc làm bánh, sinh tố, đồ uống… Tuy nhiên, xoài có tính nóng nên không ăn quá nhiều.

- Giá trị kinh tế: Xoài đem lại nguồn lợi kinh tế cho người trồng, đồng thời là sản phẩm xuất nhập khẩu của nhiều nước trên thế giới. Hàng năm, lượng tiêu thụ xoài thường khá lớn.

\* Cách chăm sóc và gieo trồng

- Yếu tố lựa chọn giống ban đầu, lựa chọn đất là rất quan trọng.

- Cần chú ý cung cấp nước và chất dinh dưỡng đầy đủ cho cây phát triển.

- Khi cây ra quả cần dùng túi bọc lại tránh bị sâu hay chim ăn làm hỏng.

**III, Kết bài**

- Nêu cảm nghĩ của bản thân về cây xoài cũng như về giá trị của loại trái cây này.

**IV. ĐOẠN VĂN**.

***Câu 1***: Dựa vào đoạn trích “Trong lòng mẹ” em hãy viết đoạn văn diễn dịch (khoảng 12 dòng) phân tích diễn biến tâm trạng của bé Hồng khi được ở trong lòng mẹ trong đó có sử dụng câu ghép (gạch chân dưới câu ghép).

***Câu 2*:** Từ hành động của cụ Bơ- men trong truyện ngắn “ Chiếc lá cuối cùng” em hãy viết 1 đoạn văn theo lối diễn dịch trình bày suy nghĩ của em về tình yêu thương con người. Trong đoạn văn có sử dụng 1 câu ghép và tình thái từ ( gạch chân câu ghép và tình thái từ đó)

***Câu 3*:** Hãy viết hai đoạn văn khoảng 12 câu ( hình thức, thể loại tự chọn) về hai vấn đề sau: (mỗi đoạn một vấn đề)

* Bảo vệ môi trường sống.
* Bảo vệ sức khỏe

Trong đó có sử dụng câu ghép, dấu ngoặc kép

**V.ĐỀ LUYỆN:**

**ĐỀ 1:**

**Hãy đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.**

*"Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị", cô nói, "Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và- em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ- men,- cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng.”*

      (*Chiếc lá cuối cùng*- O Hen-ri)

**Câu 1.** Đoạn văn trên trích từ *văn bản nào*? *Tác giả là ai*?

**Câu 2.** Tìm 1từ tượng hình có trong đoạn trích trên. Tác dụng của từ tượng hình đó.

**Câu 3.** Hãy chỉ ra một trợ từ, thán từ có trong đoạn trích trên.

**Câu 4.** Hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 2/3 trang giấy thi làm sáng tỏ nhận xét: ***Truyện Chiếc lá cuối cùng của O Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình yêu thương và sự sống của con người.***

**GỢI Ý**

**Câu 1.**

- Tác phẩm: Chiếc lá cuối cùng

- Tác giả: O Hen-ry

**Câu 2.**

- Tìm đúng từ tương hình: rung rinh - Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không?

- Tác dụng: giúp người đọc hình dung được sự chuyển động nhè nhẹ của chiếc lá.

**Câu 3.**

- Tìm đúng trợ từ, thán từ.

+ Trợ từ: “Cụ ốm chỉ có hai ngày.” hoặc “…đó chính là kiệt tác của cụ Bơ- men”

+ Thán từ: “…và- em thân yêu ơi,…”hoặc “…Ồ, em thân yêu…”

**Câu 4.**

**\* MĐ: Giới thiêu, dẫn dắt vấn đề:** Truyện Chiếc lá cuối cùng của o Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống của con người.

**\* TĐ:**

- Khái quát hoàn cảnh của các họa sĩ: Xiu, Giôn-xi và cụ Bơ-men.

- Dẫn dắt tình yêu thương của Xiu dành cho Giôn-xi.

- Tình người trong chiếc lá:

- Chiếc lá cuối cùng là một trong những tác phẩm văn học đem đến cho chúng ta nhiều say mê và suy nghĩ. Bức thông điệp màu xanh ấy, mãi mãi tươi non trong lòng người. Tình bạn, tình chị em, tấm lòng nhân hậu, đức hi sinh của những họa sĩ trẻ và già ấy làm cho người đọc tin yêu hơn vào lòng tốt của con người. Nó nhắn nhủ nhân loại: hãy phấn đấu cho hạnh phúc của con người, hãy đem nghệ thuật phục vụ con người, vẻ đẹp nhân văn, giá trị nhân bản của Chiếc lá cuối cùng đã rung động tâm hồn mỗi chúng ta.

**\* KĐ:** Nghệ sĩ Bơ-men đã ngã xuống vì nghệ thuật, đã hi sinh vì sự sống và hạnh phúc của con người. Nghệ thuật hướng tới con người là nghệ thuật đẹp nhất, lâu bền nhất!

**ĐỀ 2:**

**Cho đoạn văn sau:**

*“Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!*

*Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh. Anh uống rượu say mềm, anh làm anh chịu. Nhưng hút thuốc thì người gần anh cũng hít phải luồng khói độc. Điều này hàng nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rất rõ”.*

(Trích Ngữ văn 8, tập 1)

**Câu 1:**Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai? Nhận xét về nhan đề của văn bản.

**Câu 2:**Công dụng của dấu hai chấm trong câu: *Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh.*

**Câu 3:**Viết lại một câu ghép có trong đoạn văn trên và phân tích cấu tạo của câu đó.

**Câu 4:**Cho câu chủ đề sau: “Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe”. Từ câu chủ đề trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu, trong đoạn có sử dụng 1 tình thái từ và 1 trợ từ.

**GỢI Ý**

**Câu 1.**

- Tác phẩm: Ôn dịch, thuốc lá

- Tác giả: Nguyễn Khắc Viện

- Nhan đề:

+ Ôn dịch là từ dùng để chỉ chung các loại bệnh nguy hiểm và có khả năng lây lan rộng. Đồng thời người ta cũng dùng từ này để chửi rủa (đồ ôn dịch).

+ Thuốc lá ở đây là chỉ căn bệnh nghiện thuốc lá.

⟹ Như vậy, ngay từ nhan đề ta đã thấy thuốc lá được ví với ôn dịch, cách ví von này vô cùng chính xác. Bởi nghiện thuốc lá là một căn bệnh nguy hiểm với tất cả mọi người và có tốc độ lây lan chóng mặt. Hơn nữa sử dụng từ “ôn dịch” mang sắc thái biểu cảm, cũng như một lời cảnh báo nghiêm khắc với tất cả những ai đang nghiện thuốc lá, nếu tiếp tục sử dụng cuộc sống của họ sẽ bị hủy diệt.

**Câu 2:**

- Tác dụng: Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

**Câu 3:**

*- Hút thuốc // là quyền của anh, nhưng anh // không có quyền đầu độc những người ở gần anh.*

**Câu 4.**

Nội dung đoạn văn cần đảm bảo:

- Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe.

- Với bản thân người hút: gây ung thư vòm họng, ung thử phổi; gây cao huyết áp, tắc động mạnh, nhồi máu cơ tim; lãng phí tiền bạc; tổn hại sức khỏe lao động.

- Với người hút thụ động (ngửi khói thuốc): đau tim mạch, viêm phế quản, có khả năng bị ung thư; những bà mẹ mang thai, khi ngửi khói thuốc, sinh con non, con suy yếu, hệ miễn dịch kém,…

- Giải pháp: đánh thuế cao; phạt nặng những người hút ở nơi công cộng;…